TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày: 14/9/2023
"V/v: Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Diệp Anh
- Ông Nguyễn Văn Hiệp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án quận Hoàn Kiếm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 83/2023/TLST-DS ngày 06/7/2023, về việc "Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐST-DS ngày 10/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/QĐST-DS ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1).***
Địa chỉ: B- B N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: ***Ông Trần Đại L*** - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Tầng B, 2 Bà T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.
(Theo GUQ số 3034/2023/UQ-TGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023)
(Ông L có mặt).
**** Bị đơn: Bà Vũ Lan H***, sinh năm 1983
Hộ khẩu thường trú và hiện ở: Số A P, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại Đơn khởi kiện và các Bản tự khai, Đơn trình bày tại Toà án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 27/03/2019 bà Vũ Lan H ký với Ngân hàng TMCP S (viết tắt là S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Vũ Lan H, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074 - 2486, với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau một thời gian sử dụng thẻ. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69.686.200 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho S1 số tiền 60.000.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1, kể từ ngày chuyển nợ quả hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 23/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể như sau: Thẻ tín dụng số 472074 - 2486 ngày 27/03/2019 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, gọi là dư nợ gốc (Điều 13 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 11.914.003 đồng là. Lãi quá hạn: 3.9%/tháng = 2.6%/tháng x 150% lãi suất trong hạn (Theo Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N):

Lãi suất ngày: (nợ gốc x lãi suất thẻ x 150%)/30 = (11.914.003 đồng x 2.6% x 150%)/30 = 15.488 đồng. Số ngày lãi quá hạn: Ngày chuyển nợ quá hạn từ ngày 23/02/2020 đến ngày 09/8/2023 = 1.264 ngày. Số tiền nợ lãi quá hạn: (11.914.003 x 2.6% x 150%)/30 = 15.488 đồng x 1.264 ngày = 19.576.832 đồng.

Tính đến ngày 09/8/2023 bà H còn nợ S1 số tiền như sau: Tiền gốc 11.914.003 đồng; Lãi quá hạn 19.576.832 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 31.490.835 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng K đề nghị Quý Tòa giải quyết:

1. Buộc bà Vũ Lan H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/8/2023 là 31.490.835 đồng, trong đó số tiền gốc là 11.914.003 đồng; nợ lãi quá hạn là: 19.576.832 đồng.

2. Bà Vũ Lan H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 10/8/2023 cho đến khi chị H trả hết khoản nợ cho S1, theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**** Bị đơn - bà Vũ Lan H***: đã được Tòa án tống hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để bà H biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng TMCP S yêu

cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập bà H đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, bà H không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để viết bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Do bà H không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên phải chịu hậu quả theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp và do Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L trình bày:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2023 là 32.048.403 đồng (Ba mươi hai triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm linh ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 11.914.003 đồng; nợ lãi quá hạn là: 20.134.400 đồng.

Bà Vũ Lan H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/9/2023 cho đến khi chị H trả hết khoản nợ cho S1, theo lãi suất quy định tại Hợp đồng

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và quan điểm giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, thông báo, quyết định hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1. Tại phiên tòa lần 2 bị đơn chị Vũ Lan H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1). Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1), tổng số tiền là 31.490.835 đồng, trong đó số tiền gốc là 11.914.003 đồng; nợ lãi quá hạn là: 20.134.400 đồng. Bà H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền:

Xét thấy: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi giải quyết tranh chấp theo nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú của bị đơn chị Vũ Lan H tại địa chỉ số A P, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện bà Vũ Lan H yêu cầu Tòa án tuyên bà H phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về thủ tục tố tụng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn chị Vũ Lan H có đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ số A P, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Vũ Lan H. Do chị H bận đi làm ở xa không có nhà nên Tòa án đã giao cho bà Nguyễn Thị Minh D1 (là mẹ đẻ) của chị H nhận hộ. Tòa án đã tiến hành xác minh thấy rằng bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng do bà D1 (mẹ đẻ) chị H cho biết bà đã giao lại các văn bản của Tòa án cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc của Toà án, như vậy bị đơn đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn được quy định theo Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 09h00 ngày 29/8/2023 nhưng bị đơn chị Vũ Lan H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vụ án vào hồi 10h00' ngày 14/9/2023. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Vũ Lan H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng:

Ngày 27/03/2019 chị Vũ Lan H ký với Ngân hàng TMCP S (S1) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1 - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị H, S1 đã đồng ý cấp Thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074-2486 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hai bên ký Hợp đồng tự nguyện, người ký kết là người có

thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo pháp luật. Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như cam kết.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69.686.200 đồng. Chị H đã thanh toán cho S1 số tiền 60.000.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng chị H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1. S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị H, cụ thể như sau ngày 23/02/2020 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, gọi là dư nợ gốc (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 11.914.003 đồng là 3.9%/tháng (150% lãi suất trong hạn):

Lãi suất ngày: (nợ gốc x lãi suất thẻ x 150%)/30 = (11.914.003 đồng x 2.6% x 150%)/30 = 15.488 đồng. Số ngày lãi quá hạn: Ngày chuyển nợ quá hạn từ ngày 23/02/2020 đến ngày 14/9/2023 = 1.300 ngày. Số tiền nợ lãi quá hạn: 11.914.003 đồng x 2.6% x 150%)/30 x 15.488 đồng x 1.300 ngày = 20.134.400 đồng.

Tính đến ngày xét xử 14/9/2023 chị H còn nợ S1 tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là 32.048.403 đồng, trong đó nợ gốc là: 11.914.003 đồng; lãi quá hạn 20.134.400 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả cho S1 toàn bộ khoản tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn như S1 đã tính toán theo Hợp đồng các bên đã cam kết và buộc chị H phải tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ phải trả.

Từ căn cứ và nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc chị Vũ Lan H phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 14/9/2023 là 32.048.403 đồng, trong đó nợ gốc là 11.914.003 đồng; lãi quá hạn 20.134.400 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi suất tính từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/9/2023 đến khi chị H tất toán xong toàn bộ số nợ cho S1.

Về án phí: Buộc chị Vũ Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 429; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Điều 2; Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) đối với bị đơn chị Vũ Lan H, về việc "Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng".

2. Buộc bị đơn chị Vũ Lan H phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 27/03/2019, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2023 là ***32.048.403 đồng (Ba mươi hai triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm linh ba đồng)***, trong đó:

Số tiền nợ gốc là: 11.914.003 đồng;

Lãi quá hạn là: 20.134.400 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

2. Về án phí: Bị đơn chị Vũ Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.603.000 đồng (Một triệu, sáu trăm linh ba nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP S (S1) 686.000 đồng (Sáu trăm tám mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/******* ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1), vắng mặt bị đơn chị Vũ Lan H.

Tòa án báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn chị Vũ Lan H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDQHK;
- Các đương sự;
- THADSQHK;
- TANDTPHN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa